

# CHẾ ĐỘ HÔN SẢN PHÁP ĐỊNH: MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

**Ngô Thanh Hương\***

\* TS, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Thông tin bài viết:

*Từ khóa.* chế độ hôn sản pháp định, chế độ tài sản vợ chồng theo luật định, chế độ hôn sản

*Lịch sử bài viết:*

Nhận bài : 04/04/2019

Biên tập : 22/05/2019

Duyệt bài : 31/05/2019

Article Information:

*Keywords:* legal provisions on marriage properties; legal regime on properties owned by husband and wife; regime on marriage properties

*Article History:*

Received : 04 Apr. 2019

Edited : 22 May 2019

Approved : 31 May 2019

## 1. Khái niệm và bản chất pháp lý của chế độ hôn sản pháp định

Theo quan niệm của các nước theo hệ thống Civil Law, kết hôn tạo ra những hậu quả pháp lý về tài sản cho vợ chồng. Quy định của pháp luật về chế độ hôn sản còn được gọi là chế độ tài sản vợ chồng.

Dựa trên tiêu chí chủ thể xác lập, người ta phân loại chế độ hôn sản thành: (i) chế độ hôn sản ước định và (ii) chế độ hôn sản pháp

Tóm tắt:

Chế độ hôn sản pháp định là một chế định có ý nghĩa lớn đối với vợ chồng. Trong xã hội Việt Nam, chế độ hôn sản pháp định được xây dựng dựa trên mục tiêu đảm bảo sự bình đẳng, đảm bảo tính cộng đồng và sự công bằng về tài sản giữa vợ, chồng. Trải qua nhiều lần sửa đổi bổ sung, pháp luật Việt Nam về chế độ tài sản vợ chồng đã đạt được những thành tựu nhất định song vẫn tồn tại một số vướng mắc, bất cập, cần được bổ sung hoàn thiện.

Abstract

The legal provisions on marriage properties is a provision with great significance to the couples. In Vietnamese society, the legal regime on marriage properties is built on the goal of ensuring equality, ensuring community and property fairness for the couple. After several amendments, the Vietnamese law on properties between husband and wife has reached achievements but there are still a number of difficulties and shortcomings that need to be reviewed for further improvements.

định (chế độ tài sản vợ chồng theo luật định trong pháp luật Việt Nam). Ngược lại với chế độ hôn sản ước định là những quy tắc chi phối quan hệ tài sản vợ chồng dựa trên sự thỏa thuận của vợ chồng. Chế độ hôn sản pháp định được định nghĩa là tất cả các quy tắc chi phối quan hệ tài sản vợ chồng mà các quy tắc này dựa trên các căn cứ pháp luật. Hiểu theo nghĩa hẹp, chế độ hôn sản pháp định là toàn bộ các quy tắc mà pháp luật quy định nhằm điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ

liên quan đến sản nghiệp của vợ chồng.

Có ý kiến cho rằng, về bản chất pháp lý, chế độ hôn nhân pháp định cũng chỉ là một chế độ ước định nhưng là một chế độ ước định mặc nhiên<sup>1</sup>. Theo quan điểm này, nếu các bên kết hôn không lập thoả thuận hôn nhân thì suy luận rằng: họ đã mặc nhiên (thông nhất ý chí) lựa chọn chế độ hôn nhân pháp định.

Ngược lại, xuất phát từ tính chất hợp đồng của hôn nhân, người ta áp dụng tương tự lý thuyết của luật hợp đồng đối với chế độ hôn nhân pháp định. Luật hợp đồng được xem như luật bổ trợ, áp dụng trong trường hợp các bên trong quan hệ hợp đồng không có thoả thuận hoặc có thoả thuận nhưng chưa rõ hoặc bị huỷ nhằm đảm bảo lợi ích của các bên. Chế độ hôn nhân pháp định bản chất là sự bỏ khuyết cần thiết, buộc phải có trong trường hợp các bên không lập thoả thuận hôn nhân. Trong khi đó, về lý luận và thực tiễn, mỗi cặp vợ chồng không thể không có một chế độ tài sản áp dụng đối với họ nhằm mục đích: (i) ấn định các quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng từ đó làm căn cứ để vợ, chồng thực hiện các hành vi pháp lý liên quan đến tài sản; (ii) ấn định cho người thứ ba biết các quyền lợi khi kết lập các giao dịch liên quan đến tài sản vợ chồng và (iii) xác định tài sản riêng, tài sản chung của vợ chồng trong khi đời sống chung vợ chồng tất yếu mang đến sự hỗn hợp dĩ nhiên tài sản vợ chồng<sup>2</sup>...

Như vậy, về bản chất, chế độ hôn nhân pháp định là chế độ mà pháp luật dự liệu và bắt buộc được áp dụng nếu vợ chồng không có thoả thuận hôn nhân. Trong trường hợp này, không cần và không bắt buộc phải xem xét ý chí của các bên kết hôn về việc họ có hay không có lựa chọn chế độ hôn nhân pháp

định. Chế độ hôn nhân pháp định là cần thiết nhằm đảm bảo lợi ích của vợ chồng.

### 2. Đặc điểm của chế độ hôn nhân pháp định

*Thứ nhất, chế độ hôn nhân pháp định là một định chế hay chế độ tài sản do pháp luật xác lập thay cho vợ chồng*

Trong chế độ hôn nhân pháp định, pháp luật đã ấn định mọi mối tương quan pháp lý về tài sản giữa vợ chồng, cụ thể là quy định các căn cứ xác lập tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng; vấn đề chia tài sản giữa vợ và chồng... Tất nhiên, sự ấn định này được cho là có lợi nhất đối với vợ chồng, phù hợp và đảm bảo được lợi ích gia đình và lợi ích xã hội. Hoặc có thể nói, một chế độ tài sản được lựa chọn làm chế độ pháp định bởi pháp luật nhà nước để cho rằng nó là phương án mà đa số vợ chồng lựa chọn, phù hợp nhất với lợi ích vợ chồng và các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội của quốc gia đó. Tương tự lý thuyết về "default rules"<sup>3</sup> của luật hợp đồng nhằm giúp các bên giảm chi phí giao dịch. Chế độ hôn nhân pháp định giúp vợ chồng đỡ tốn công sức để xác lập một thoả thuận về chế độ tài sản vợ chồng hay các chi phí liên quan đến việc công chứng hoặc chứng thực văn bản thoả thuận về chế độ tài sản vợ chồng. Ngoài ra, nó cũng hạn chế sự sứt mẻ tình cảm trong trường hợp các bên không đạt được sự thông nhất ý chí về việc xác lập chế độ tài sản áp dụng đối với vợ chồng... Chế độ hôn nhân pháp định là các quy tắc pháp lý do pháp luật đặt ra điều chỉnh quan hệ tài sản vợ chồng và có tính chất tùy nghi. Nó được hiểu rằng, nếu vợ chồng có thoả thuận khác thì phải áp dụng thoả thuận của vợ chồng. Suy diễn ra, vợ chồng không những có quyền thay đổi chế độ hôn nhân ước định mà còn có quyền thoả thuận để thay

1 Bùi Tường Chiêu, Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam, 1974-1975, tr. 121.

2 Bùi Tường Chiêu, Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam, sđd, tr. 118.

3 Default rule là một lý thuyết về hợp đồng có nguồn gốc từ hệ thống pháp luật Common Law. "Default rule" được hiểu là những quy tắc pháp lý do pháp luật đặt ra, sẽ được áp dụng cho các bên hợp đồng trừ phi các bên có thoả thuận khác. Xem thêm: Randy E. Barnett, The sound of silence: Default Rules and Contractual Consent (1992), Georgetown Law Faculty Publications and Other Work.1255, đăng trên website: <https://scholarship.law.georgetown.edu>.

đổi chế độ hôn nhân pháp định. Điều này hợp lý bởi các lý do: *một là*, dựa trên nguyên tắc chủ sở hữu tài sản có quyền định đoạt đối với tài sản. Theo đó, vợ chồng tự do quyết định về sở hữu tài sản của họ. Dựa trên nhu cầu và nguyện vọng, vợ chồng xác lập các quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản bằng thoả thuận tài sản vợ chồng. Đó có thể là sự thoả thuận một phần hoặc toàn bộ tài sản hiện có và bao gồm cả những tài sản hình thành trong tương lai; *hai là*, thực tế chỉ sau khi chung sống, vợ chồng mới hiểu rõ được hoàn cảnh cuộc sống hôn nhân của mình để lựa chọn được một chế độ tài sản phù hợp nhất với nhu cầu và điều kiện của vợ chồng. Do đó, cần công nhận và không phân biệt thoả thuận về chế độ tài sản của vợ chồng xác lập trước khi kết hôn và sau khi kết hôn.

Ngược lại, một số quốc gia (trong đó có Việt Nam) không cho phép vợ chồng thoả thuận thay đổi chế độ hôn nhân pháp định. Pháp luật những nước này xem chế độ hôn nhân pháp định là một định chế có tính chất bắt buộc. Theo đó, các bên kết hôn không thể bằng thoả thuận của mình để thay đổi các quy tắc chi phối quan hệ tài sản vợ chồng mà pháp luật đã đặt ra.

*Thứ hai, chế độ hôn nhân pháp định được áp dụng khi các bên kết hôn không có thoả thuận hôn nhân*

Tính chất hợp đồng của hôn nhân dẫn đến hệ quả các bên kết hôn có quyền thoả thuận về quan hệ tài sản vợ chồng, cụ thể là các quyền và nghĩa vụ đối với sản nghiệp của họ. Chế độ hôn nhân pháp định được áp dụng khi vợ chồng không thoả thuận lựa chọn chế độ tài sản. Ngoài ra, nếu vợ chồng đã xác lập và thực hiện chế độ hôn nhân ước định nhưng phát sinh những vấn đề chưa được vợ chồng thoả thuận hoặc thoả thuận chưa rõ ràng thì các quy tắc của chế độ hôn nhân pháp định sẽ được áp dụng trong trường hợp này.

Thực tiễn xảy ra những trường hợp các bên kết hôn đã xác lập chế độ hôn nhân ước định. Tuy nhiên, thoả thuận chế độ hôn nhân bị vô hiệu. Chẳng hạn như, nội dung thoả thuận vi phạm nguyên tắc tài sản vợ chồng; xâm hại đến lợi ích gia đình hoặc vi phạm điều kiện về hình thức của thoả thuận chế độ tài sản vợ chồng. Theo lý thuyết của sự vô hiệu hợp đồng, nếu thoả thuận chế độ tài sản vợ chồng bị vô hiệu (vô hiệu toàn phần hoặc vô hiệu từng phần) thì các bên hồi tố coi như chưa lập thoả thuận và chế độ hôn nhân pháp định được áp dụng để xác định các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

*Thứ ba, có nhiều loại hình chế độ hôn nhân pháp định ở các quốc gia*

Thông thường, chế độ hôn nhân được lựa chọn là chế độ pháp định vì nó có lợi hơn hết cho vợ chồng, phù hợp với phong tục và nhu cầu của xã hội<sup>4</sup>. Để thiết lập một chế độ hôn nhân pháp định, nhà làm luật phải xem xét các yếu tố về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống, tập quán và thực tế cuộc sống trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Do đó, loại hình chế độ hôn nhân pháp định hiện nay rất phong phú và đa dạng.

### 3. Loại hình cơ bản của chế độ hôn nhân pháp định

Sự phát triển khác biệt về các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội cũng như sự đa dạng của đời sống hôn nhân tại mỗi quốc gia dẫn đến sự khác biệt về tổ chức loại hình chế độ hôn nhân pháp định. Tuy nhiên, có hai loại hình cơ bản của chế độ hôn nhân pháp định: chế độ cộng đồng và chế độ biệt sản.

*Thứ nhất, chế độ cộng đồng* được hình thành bởi lý thuyết về tính chất cộng đồng của quan hệ vợ chồng<sup>5</sup>. Theo đó, hệ quả của kết hôn là sự gắn kết hai cá thể độc lập để cùng chung số mạng cuộc đời, cùng gánh vác và chia sẻ mọi điều trong cuộc sống. Tuy nhiên, nếu chỉ tồn tại sự liên kết về

4. Bùi Tường Chiêu, Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam, sđd, tr 122

5. Katharina Boele-Woelki, Frédérique Ferrand, Cristina González Beilfuss, Maart Jantera-Jareborg, Nigel Lowe, Dieter Martiny, Walter Pintens, Principle of European Family Law Regarding Property Relations Between Spouses, published by the Organising Committee of the Commission on European Family Law, p. 13-15

phương diện tình cảm thì quan hệ vợ chồng không khác gì nhiều so với những người có quan hệ tình cảm yêu đương nhưng không có quan hệ hôn nhân. Bởi lẽ đó, về mặt pháp lý, phải ghi nhận tình cộng đồng về phương diện tài sản của vợ chồng. Nói cách khác, pháp luật phải quy định về tài sản chung của vợ chồng.

Mặt khác, dù thừa nhận vợ chồng buộc phải có khối cộng đồng tài sản nhưng xuất hiện hai luận điểm khác nhau về sự quản trị đối với khối tài sản chung: (1) Căn thống nhất khối chung tài sản bằng cách giao toàn bộ tài sản cho một bên vợ, chồng quản trị vì lợi ích của vợ chồng. Chẳng hạn, thời kỳ đầu, Bộ Dân luật Pháp năm 1804<sup>6</sup> ghi nhận người chồng có quyền quản trị đối với tất cả tài sản trong gia đình (sau đó Đạo luật của Pháp ngày 13/07/1965 đã dành cho vợ quyền quản trị khối cộng đồng, ngang với người chồng). (2) Hoặc quan điểm khác lại công nhận sự quản trị chung về khối cộng đồng tài sản của vợ chồng, trong đó, nhấn mạnh cả hai vợ chồng đều bình đẳng trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung.

Chế độ cộng đồng được rất nhiều các quốc gia ủng hộ (như Pháp, Ý, Hà Lan, Slovakia, Nga, Hungary...). Loại hình này tồn tại dưới ba hình thức: (1) Chế độ cộng đồng toàn sản (vợ chồng không có tài sản riêng, khối tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản vợ, chồng có trước khi kết hôn và sau khi kết hôn); (2) Chế độ cộng đồng động sản và tạo sản (khối tài sản chung của vợ chồng bao gồm các động sản mà vợ chồng có trước khi kết hôn và các tài sản sau khi kết hôn); và (3) Chế độ cộng đồng tạo sản (chỉ những tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân mới là tài sản chung của vợ chồng).

*Thứ hai*, một số quốc gia (như Scotland, Ireland, Catalonia...) lại chủ trương xây dựng chế độ biệt sản. Nền tảng lý thuyết của chế độ này là ý niệm không bắt

buộc và không cần thiết phải có một khối tài sản chung<sup>7</sup>. Điều này có nghĩa, dưới chế độ biệt sản, không có sự thống nhất quyền quản trị và cũng không có khối tài sản cộng đồng. Loại hình chế độ biệt sản bảo vệ tuyệt đối quyền sở hữu riêng về tài sản của vợ chồng, duy trì sự độc lập và biệt lập về tài sản của vợ, chồng. Loại hình này được lựa chọn với mong muốn thúc đẩy sự độc lập của vợ chồng trong việc tạo lập tài sản. Chế độ biệt sản có quy định về nghĩa vụ đóng góp của vợ chồng trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, sự bình đẳng đóng góp duy trì gia đình không có tính chất ngang giá mà tùy thuộc vào khả năng của mỗi bên vợ, chồng.

#### **4. Thực trạng pháp luật Việt Nam về chế độ hôn sản pháp định và một số kiến nghị hoàn thiện**

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chế độ hôn sản pháp định được tổ chức theo loại hình chế độ cộng đồng tạo sản. Tất cả tài sản mà vợ chồng có trước khi kết hôn và các tài sản mà vợ chồng được tặng cho, thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng của vợ, chồng. Khối tài sản chung vợ chồng bao gồm tất cả những tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân; thu nhập của vợ, chồng; hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân; những tài sản được tặng cho chung, thừa kế chung trong thời kỳ hôn nhân...

Có thể thấy rằng, loại hình này hoàn toàn phù hợp với các điều kiện của xã hội Việt Nam vì lý do sau: *một là*, nó thúc đẩy sự gắn kết của vợ chồng vì hôn nhân có tính chất “đoàn thể phu thê”; *hai là*, nó tạo ra sự bình đẳng về địa vị của người vợ và người chồng trong gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam ghi nhận nguyên tắc cơ bản “vợ chồng bình đẳng”. Vợ chồng bình đẳng về quyền và nghĩa vụ liên quan đến mọi mặt của đời sống gia đình.

6 Bài Tường Chiếu, Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam, sđd, tr. 125

7 Nguyễn Văn Cừ, Chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2008, tr. 36.

Tuy nhiên, để thực hiện điều này, vấn đề tài sản đóng một vai trò quan trọng. Thực tế cho thấy, khi kết hôn, không phải mọi trường hợp hai bên đều có tài sản riêng hoặc đều tham gia lao động. Vì thế, chế độ cộng đồng tạo sản phù hợp để đảm bảo sự bình đẳng của vợ chồng với nguyên lý tài sản được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân không kể đến vợ hoặc chồng tạo lập thì vẫn được coi là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, theo lẽ tự nhiên trong quan hệ vợ chồng sẽ luôn có một bên đảm nhận nhiều hơn trách nhiệm liên quan đến công việc gia đình và thường là người vợ với thiên chức sinh con đẻ cái, chăm lo gia đình, vì vậy, tất yếu họ bị hạn chế khả năng tham gia các hoạt động kinh tế để tạo ra của cải.

Nhìn chung, quy định về chế độ hôn nhân pháp định hiện nay tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, tập quán gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, loại hình này vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

*Một là*, quy định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không được thoả thuận để thay đổi chế độ luật định thành chế độ theo thoả thuận là chưa hợp lý.

Một trong những điểm mới đáng kể của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có quyền thoả thuận để lựa chọn chế độ tài sản: “Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thoả thuận thì thoả thuận này phải được lập trước khi kết hôn...”<sup>8</sup>. Như vậy, sau khi kết hôn, vợ chồng không được phép thoả thuận để lựa chọn áp dụng chế độ tài sản khác ngoài chế độ pháp định.

Đặc điểm quan trọng của quyền sở hữu đó là tính tuyệt đối, bất khả xâm phạm. Do đó, chủ sở hữu có quyền tự do ý chí

quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến quan hệ tài sản của họ. Về nguyên tắc, pháp luật chỉ được hạn chế quyền của chủ sở hữu trong trường hợp việc thực hiện quyền ảnh hưởng đến lợi ích công cộng hoặc lợi ích gia đình. Vì thế, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đương nhiên có quyền sửa đổi, bổ sung, thậm chí thay đổi chế độ tài sản đang áp dụng cho họ. Có lẽ, việc cấm các bên xác lập thoả thuận về tài sản để áp dụng chế độ theo thoả thuận sau khi kết hôn ít nhiều liên quan đến rủi ro đối với người thứ ba. Tuy nhiên, những giao dịch xác lập với người thứ ba có hiệu lực vẫn có giá trị ràng buộc. Trong trường hợp việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tài sản theo thoả thuận của vợ chồng mà xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người thứ ba thì phải bồi thường<sup>9</sup>.

Mặt khác, dưới góc độ luật so sánh, Bộ nguyên tắc Luật gia đình Châu Âu quy định: “Bằng thoả thuận tài sản vợ chồng được lập trước khi kết hôn, các bên sắp kết hôn có thể lựa chọn chế độ tài sản vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có thể sửa đổi hoặc thay đổi chế độ tài sản vợ chồng”<sup>10</sup>. Tương tự như trong quan hệ hợp đồng, các bên trong hợp đồng phải có tư cách chủ thể. Có thể hiểu rằng, việc ghi nhận thoả thuận về lựa chọn chế độ tài sản trước khi kết hôn chỉ có ý nghĩa công nhận cho các bên sắp kết hôn (chưa thực sự có tư cách vợ chồng) được xác lập thoả thuận về chế độ tài sản của hai người là vợ chồng. Điều này có ý nghĩa trong một số hoàn cảnh cụ thể sau: (1) Sản nghiệp của vợ, chồng quá lớn; (2) Tài sản của vợ, chồng đang được sử dụng phục vụ cho hoạt động lao động, sản xuất và nghề nghiệp; (3) Vợ, chồng đang thực hiện các nghĩa vụ về tài sản (ví dụ: đang thực hiện

<sup>8</sup> Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

<sup>9</sup> Khoản 3 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

<sup>10</sup> Katharina Boele-Woelki, Frédérique Ferrand, Cristina González Beilfuss, Maarit Jantrea-Jareborg, Nigel Lowe, Dieter Martiny, Walter Pintens, Principle of European Family Law Regarding Property Relations Between Spouses, published by the Organising Committee of the Commission on European Family Law, p.99.

nghĩa vụ cấp dưỡng)<sup>11</sup>... Rõ ràng, việc ghi nhận này là cần thiết nhưng không ngụ ý rằng sau khi kết hôn các bên không thể thoả thuận để áp dụng chế độ tài sản theo thoả thuận. Quyền của chủ sở hữu cho phép vợ chồng được tự do xây dựng một chế độ tài sản phù hợp với điều kiện và nhu cầu của vợ chồng<sup>12</sup>. Mặt khác, việc cho phép vợ chồng thoả thuận để áp dụng chế độ thoả thuận sau khi kết hôn nhằm đảm bảo tính thống nhất của pháp luật. Bởi lẽ, hiện nay đang có sự xung đột trong quy định của pháp luật hiện hành khi, một mặt cho phép vợ chồng được chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không cho phép vợ chồng thoả thuận để thay đổi chế độ pháp định. Do đó, cần cho phép vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân, được sửa đổi, bổ sung và thay đổi chế độ tài sản vợ chồng.

*Hai là*, quy định “hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng là tài sản chung vợ chồng”<sup>13</sup> là chưa phù hợp.

Về nguyên tắc, chủ sở hữu của tài sản gốc là chủ sở hữu của hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản gốc đó. Sẽ là không công bằng nếu hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của một bên vợ hoặc chồng là tài sản chung của cả hai vợ chồng trong khi người còn lại (không phải là chủ sở hữu tài sản) không có bất kỳ đóng góp nào vào việc tạo ra hoa lợi, lợi tức đó. Chẳng hạn, tiền lãi từ khoản tiền riêng của người vợ hoặc người chồng gửi trong ngân hàng thì không thể nói rằng người chồng hoặc người vợ còn lại đã có công sức đóng góp. Nhưng theo quy định trên thì khoản lãi này là tài sản chung của hai vợ chồng. Mặt khác, pháp luật lại quy định nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu,

sử dụng, định đoạt tài sản riêng là nghĩa vụ riêng của một bên vợ, chồng có tài sản<sup>14</sup>. Như vậy, nghĩa vụ về tài sản riêng là nghĩa vụ riêng của bên vợ, chồng sở hữu tài sản nhưng hoa lợi và lợi tức thu được lại là tài sản chung của vợ chồng. Theo chúng tôi, để đảm bảo sự công bằng, pháp luật nên quy định hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng là tài sản riêng của vợ chồng. Nếu pháp luật đã cho phép vợ, chồng duy trì khối tài sản riêng thì nên cho phép bảo toàn phát triển khối tài sản đó. Tuy nhiên, nếu bên chồng, vợ còn lại chứng minh được đóng góp của mình trong việc tạo ra các hoa lợi, lợi tức đó thì họ được xem xét để phân chia giá trị theo công sức đóng góp của họ.

*Ba là*, bất hợp lý trong quy định các khoản trợ cấp phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng<sup>15</sup>.

Trong chế độ cộng đồng tài sản, chỉ cần một bên vợ, chồng tạo lập tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì đó là tài sản chung của vợ chồng dựa trên lý thuyết hôn nhân có tính cộng đồng, vợ chồng cùng chung sức, chung ý chí tạo dựng tài sản chung của vợ chồng nhằm đảm bảo nhu cầu đời sống chung của gia đình. Tuy nhiên, bản chất các khoản trợ cấp thường gắn với nhân thân của người thụ hưởng. Nó là những khoản tiền hoặc tài sản mang tính chất hỗ trợ cho một cá nhân cụ thể để khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống trong trường hợp gặp rủi ro, hiểm nghèo, nghèo đói, bất hạnh. Ở đây việc phát sinh các khoản trợ cấp không xuất phát từ ý chí của vợ chồng để tạo lập tài sản chung mà gắn với chính sách xã hội của Nhà nước. Do đó, không nên quy định trợ cấp là tài sản chung của vợ chồng ■

11 Katharina Boele-Woelki, Frédérique Ferrand, Cristina González Beilfuss, Maart Jansera-Jareborg, Nigel Lowe, Dieter Martiny, Walter Pintens, Principle of European Family Law Regarding Property Relations Between Spouses, published by the Organising Committee of the Commission on European Family Law, p 117

12 Katharina Boele-Woelki, Frédérique Ferrand, Cristina González Beilfuss, Maart Jansera-Jareborg, Nigel Lowe, Dieter Martiny, Walter Pintens, Principle of European Family Law Regarding Property Relations Between Spouses, published by the Organising Committee of the Commission on European Family Law, p 117

13 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

14 Khoản 2 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

15 Khoản 1 Điều 9 Mục 2 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Hôn nhân và gia đình.